TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày 19-3-2019
V/v tranh chấp hợp mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Nô.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà A, đường B, tổ C, khu phố D, thị trấn P, huyện Ph, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà P, tổ L, ấp V, xã G, huyện Ph, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-4-2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Số E đường số 19, ấp F, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Số E đường số 19, ấp F, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Ông Lê Thanh Cao, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Ph, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Từ ngày 15-4-2015 đến ngày 08-3-2017, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L bán cám cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ để cho gia súc ăn,việc mua bán không lập hợp đồng, nguyên đơn cung cấp cám cho bị đơn, bị đơn ký vào sổ của nguyên đơn, phương thức thanh toán là khi bị đơn bán gia súc thì sẽ thanh toán tiền cho bị đơn. Nguyên đơn đã thực hiện đúng thoả thuận là giao cám cho bị đơn, tính đến ngày 08-3-2017 số tiền bị đơn nợ nguyên đơn là 126.530.000 đồng và ngày 28-3-2017 thì số tiền nợ là 133.305.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn sau khi bán gia súc, gia cầm lại không thanh toán tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 149.302.000 đồng, trong đó nợ gốc là 133.305.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 31-5-2019 là 15.997.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền là 126.530.000 đồng, về lãi suất nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ gốc là 126.530.000 đồng với mức lãi suất 9%/ năm , thời gian tính lãi từ ngày chốt nợ 08-3-2017 đến ngày 08-3-2019 với số tiền lãi là 22.775.400 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ giấy ghi ngày "8/3/017" bằng chữ màu đỏ số tiền là 126.530.000 đồng có chữ ký và họ tên Nguyễn Văn Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2018, biên bản hòa giải ngày 07-8-2018, bản tự khai ngày 24-8-2018, biên bản đối chất ngày 24-8-2018 bị đơn trình bày: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có mua cám của của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L nhiều lần để chăn nuôi heo, tính đến ngày 08-3-2017, hai bên chốt công nợ thì ông Đ còn nợ bà L số tiền là 126.530.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ đã thanh toán số tiền trên cho bà L sau khi ông Đ bán đất. Đối với số tiền giao cám ngày 28-3-2017 là 6.775.00 đồng, ông Đ không đồng ý vì ông Đ không có nhận cám từ nguyên đơn. Đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp tờ giấy ghi ngày "8/3/017" bằng chữ màu đỏ số tiền là 126.530.000 đồng có chữ ký và họ tên Nguyễn Văn Đ, ông Đ không thừa nhận nhưng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Ông Đ cung cấp chứng cứ là bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01214 do uỷ ban nhân dân huyện Phú Giáo cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 09-9-2013 để chứng minh có việc chuyển nhượng đất để thanh toán tiền hàng còn nợ cho bà L. Do vậy, ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 24-8-2018 và biên bản đối chất ngày 24-8-2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất theo phần trình bày của ông Nguyễn Văn Đ là đã thanh toán hết số tiền nợ cho bà L nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 24-8-2018 và biên bản đối chất ngày 24-8-2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh C trình bày: Ông C là người trực tiếp đi giao cám cho ông Nguyễn Văn Đ vào ngày 08-3-2017 và ngày 27-3-2017. Khi giao cám thì ông Đ không có nhà sau đó ông C có liên hệ bằng

điện thoại với ông Đ và ông Đ chỉ nơi để chìa khóa cho ông C biết để mở khóa vào trong để cám. Tổng cộng ông C giao cho ông Đ ngày 08-3-2017 và ngày 27-3-2017 là 25 bao cám.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

- Về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thừa nhận ngày 08-3-2017 hai bên chốt nợ số tiền là 126.530.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng đã thanh toán nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi, thời gian tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2018, biên bản hòa giải ngày 07-8-2018, biên bản đối chất ngày 24-8-2018, biên bản làm việc ngày 19-12-2018 bị đơn đều thừa nhận nguyên đơn có bán cám cho bị đơn và tính đến ngày 08-3-2017 hai bên đối chiếu nợ thì bị đơn ông Đ còn nợ nguyên đơn số tiền là 126.530.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tính đến ngày 08-3-2017 bị đơn ông Đ còn nợ nguyên đơn số tiền là 126.530.000 đồng.

[2.3] Về việc thanh toán tiền nợ gốc 126.530.000 đồng: Bị đơn cho rằng

bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 126.530.000 đồng, bị đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có việc bị đơn bán đất để thanh toán nợ cho nguyên đơn là bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01214 do uỷ ban nhân dân huyện Phú Giáo cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 09-9-2013. Xét thấy, theo chứng cứ bị đơn xuất trình thì tại mục cập nhật thay đổi ghi sau khi cấp giấy là chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Th vào ngày 16-11-2016, trong khi hai bên đối chiếu và chốt công nợ là vào ngày 08-3-2017. Như vậy, lời khai của bị đơn là mâu thuẫn với chính chứng cứ do bị đơn xuất trình nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Đồng thời, bị đơn không chứng minh được việc giao trả số tiền trên cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng không thừa nhận bị đơn đã thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền 126.530.000 đồng theo đối chiếu công nợ vào ngày 08-3-2017. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 126.530.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán: Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về mức lãi suất, theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01-12-2010 của của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 126.530.000 đồng x 9%/năm x 24 tháng = 22.775.400 đồng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 92; Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 280, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền còn nợ là 149.305.400 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm lẻ năm nghìn bốn trăm đồng), trong đó nợ gốc là 126.530.000 đồng và nợ lãi là 22.775.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 7.465.270 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền 3.682.00 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 013929 ngày 08-5-218 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết